

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2024

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Nhật Lam**

Các hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Hữu Nghị**;

2- Bà **Nguyễn Xuân Thủy**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Lưu Thị Mỹ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Hải Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 404/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1972; địa chỉ: **Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh** (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1969; địa chỉ: **Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tây Ninh** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/6/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** trình bày:

Bà **T** và ông **H** chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **P, huyện C, tỉnh Tây Ninh**, hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do ông **H** thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ, nói lời thô tục xúc phạm bà **T**, vợ chồng dần không có tiếng nói chung,

sống ly thân hơn 06 tháng nay không hàn gắn được. Nay bà **T** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông **H**.

Về con chung: Có 03 người gồm **Dương Thị Cẩm T1**, sinh ngày 09/9/1996, **Dương Thị Anh T2**, sinh ngày 10/6/1998, **Dương Văn H1**, sinh ngày 20/12/2003 đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên bà **T** không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Ông **Dương Văn H** đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.*

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bị đơn ông **Dương Văn H** đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà **T**, ông **H** là đúng quy định tại Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **Nguyễn Thị T** đối với ông **Dương Văn H**; các con chung đều trưởng thành không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung bà **T** không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Tính án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị T** có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông **Dương Văn H** đã được triệu tập họp lệ 02 lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là có căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà **T** và ông **H** chung sống với nhau có thực hiện việc đăng ký kết hôn vào năm 2004, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Bà **T** trình bày nguyên nhân xin ly hôn do ông **H** không tin tưởng vợ về mặt tình cảm, ghen tuông vô cớ, thường xuyên nói lời thô tục xúc phạm bà **T**, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông bà có thời gian sống ly thân hơn 06 tháng không tự hàn gắn được. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã nhiều lần triệu tập nhưng ông **H** luôn vắng mặt không rõ lý do, điều này thể hiện ông **H** không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy, hôn nhân giữa bà **T**, ông **H** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, yêu cầu được ly hôn của bà **T** là có căn cứ chấp nhận.

[3] **Về con chung:** 03 người gồm **Dương Thị Cẩm T1**, sinh ngày 09/9/1996, **Dương Thị Anh T2**, sinh ngày 10/6/1998, **Dương Văn H1**, sinh ngày 20/12/2003 đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[4] **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà **T** không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] **Về án phí:** Bà **T** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị T** đối với ông **Dương Văn H**:

Bà **Nguyễn Thị T** được ly hôn với ông **Dương Văn H**.

2. Về con chung: Có 03 người con gồm **Dương Thị Cẩm T1**, sinh ngày 09/9/1996, **Dương Thị Anh T2**, sinh ngày 10/6/1998, **Dương Văn H1**, sinh ngày 20/12/2003 đều đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **Nguyễn Thị T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà **T** đã nộp là 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009459 ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà **T** đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà **T**, ông **H** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.